|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2024-2025**  **MÔN: GDCD LỚP 9**  Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch nội dung** | **Nội dung/chủ đề/bài học** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng** | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Câu** | | **Tổng điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Giáo dục kĩ năng sống** | **Thích ứng với thay đổi** | 4 câu |  |  | 0,5 câu |  | 0,5 câu |  |  | 4 câu | 1 câu | 3,0 |
| **2** | **giáo dục kinh tế** | **Tiêu dùng thông minh** | 4 câu |  |  |  |  | 1,0 câu |  |  | 4 câu | 1 câu | 3,0 |
| **3** | **Giáo dục pháp luật** | **Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí** | 4 câu |  |  | 0,5 câu |  |  |  | 0,5 câu | 4 câu | 1 câu | 4,0 |
| **Tổng câu** | | | **12** |  |  | **1,0** |  | **1,5** |  | **0,5** | **12** | **3** | **10 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | | **30%** | **70%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | | **100** | |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2024-2025**  **MÔN: GDCD LỚP 9**  Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch nội dung** | **Nội dung chủ đề/ bài học** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Giáo dục kỹ năng sống** | **Thích ứng với thay đổi** | **Nhận biết:**  Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.  - Mô tả được các biện pháp để thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.  Vận dụng:  Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. | 4 TN | 0,5 TL | 0,5 TL |  |
| **2** | **Giáo dục kinh tế** | **Tiêu dùng thông minh** | **Nhận biết:**  - Nêu được thế nào là tiêu dùng thông minh.  - Nêu được các lợi ích của tiêu dùng thông minh.  **Thông hiểu:**  Mô tả được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biệt những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,…).  **Vận dụng:**  - Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.  - Biết cách khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.  Vận dụng cao:  Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. | 4 TN |  | 1,0 TL |  |
| **3** | **Giáo dục pháp luật** | **Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí** | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  - Liệt kê được các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.  - Đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể.  **Vận dụng cao:**  - Chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh.  - Ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật một cách tích cực. | 4 TN | 0,5 TL |  | 0,5 TL |
| **Tổng** | |  |  | **12** | **1,0** | **1,5** | **0,5** |
| **Tỉ lệ %** | |  |  | **30%** | **30%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LÃNH ĐẠO DUYỆT**  **Đường Mạnh Hà** | **NGƯỜI THẨM ĐỊNH**  **Triệu Thị Hải** | **NGƯỜI XÂY DỰNG**  **Nguyễn Thị Nhã** |